

PHÁT HUY VAI TRÒ ĐẠI DIỆN CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI:
NHÌN TỪ CƠ CẤU ỨNG CỬ VIÊN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
NHIỆM KỲ 2026 - 2031

(PROMOTING THE REPRESENTATIVE ROLE OF NATIONAL ASSEMBLY
DEPUTIES: A PERSPECTIVE FROM THE CANDIDATE STRUCTURE
FOR THE 2026 - 2031 TERM)

TS. ĐỖ MẠNH PHƯƠNG
Học viện Ngân hàng.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Quốc hội; đại biểu Quốc hội; tính đại diện; dân chủ đại diện.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 17/02/2026
Hoàn thành phản biện: 23/02/2026
Duyệt đăng : 24/02/2026

Tóm tắt:

Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, trong đó Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân và là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Vì vậy, vai trò đại diện của đại biểu Quốc hội vừa là nền tảng chính danh của quyền lực nhà nước, vừa là điều kiện để Quốc hội thực hiện đầy đủ chức năng lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Bài viết phân tích các vấn đề lý luận và pháp luật về vai trò đại diện của đại biểu Quốc hội, đánh giá sự thể hiện của vai trò đại diện trong cơ cấu ứng cử viên đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ 2026 - 2031. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các kiến nghị phát huy vai trò đại diện của đại biểu Quốc hội theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch, có thể đo lường và chịu trách nhiệm giải trình.

Article Information:

Keywords: National Assembly; National Assembly deputies; representativeness; representative democracy.

Article History:

Received : 17 Feb 2026
Review completed : 23 Feb 2026
Approved : 24 Feb 2026

Abstract:

In the socialist rule-of-law State of Vietnam, the People exercise state power through both direct democracy and representative democracy, with the National Assembly serving as the highest representative body of the People and the highest organ of state power. Therefore, the representative role of National Assembly deputies constitutes both the legitimate foundation of state power and a necessary condition for the National Assembly to fully perform its constitutional and legislative functions, exercise supreme oversight, and decide on important matters of the country. This article analyzes the theoretical and legal issues relating to the representative role of National Assembly deputies and assesses how this representative role is reflected in the structure of candidates for the 2026-2031 term of the National Assembly. On that basis, the article proposes recommendations to enhance the representative role of National Assembly deputies in a manner that is professional, transparent, measurable, and accountable.

Đặt vấn đề

Trong Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), nguyên tắc quyền lực thuộc về Nhân dân được cụ thể hóa bằng cơ chế dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện; bầu cử đại biểu Quốc hội (ĐBQH) được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín; đồng thời, ĐBQH có thể bị bãi nhiệm khi không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân¹. Cùng với đó, Hiến pháp xác định rõ ĐBQH “là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước”, “liên hệ chặt chẽ với cử tri” và chịu sự giám sát của cử tri². Như vậy, tính đại diện không chỉ là một khẩu hiệu chính trị, mà là một yêu cầu hiến định, kéo theo nghĩa vụ pháp lý về tính gắn bó, tính phản hồi và tính chịu trách nhiệm của ĐBQH.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đề cao vai trò trung tâm của ĐBQH; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu ĐBQH; tăng hợp lý số lượng ĐBQH chuyên trách, giảm số lượng đại biểu công tác ở các cơ quan hành pháp, tư pháp. Gắn trách nhiệm của ĐBQH với đơn vị bầu cử và cử tri; đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức tiếp xúc cử tri của ĐBQH; hoàn thiện cơ chế giám sát của cử tri và cơ chế, phương thức, tiêu chí đánh giá đối với ĐBQH; bảo đảm các điều kiện để ĐBQH thực hiện tốt vai trò trung tâm của mình³. Trong bối cảnh đó, việc phát huy

vai trò đại diện của ĐBQH trở thành một yêu cầu có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

Trên phương diện lý luận, nghiên cứu vấn đề này góp phần làm rõ hơn nội hàm của nguyên tắc dân chủ đại diện trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cũng như xác định rõ hơn vị trí, chức năng và trách nhiệm của ĐBQH trong mối quan hệ với cử tri và Nhân dân. Trên phương diện thực tiễn, mặc dù hoạt động của ĐBQH trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song vẫn còn tồn tại một số hạn chế, như mức độ gắn bó với cử tri chưa đồng đều, hiệu quả phản ánh và chuyển tải ý chí, nguyện vọng của Nhân dân trong một số trường hợp còn hạn chế, cơ chế đánh giá và giám sát hoạt động của đại biểu chưa thật sự hoàn thiện.

Những vấn đề này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện vai trò đại diện của ĐBQH trong điều kiện xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Cơ sở lý luận và quy định pháp luật về vai trò đại diện của đại biểu Quốc hội

Về mặt lý luận, các nghiên cứu kinh điển cho thấy “đại diện” không quy về một tiêu chí duy nhất, mà là một cấu trúc khái niệm đa diện. Pitkin phân biệt các góc nhìn (views) khác nhau về đại diện (bao gồm đại diện hình thức/quy trình, đại diện mô tả, đại diện biểu tượng và đại diện thực chất), qua đó nhấn mạnh rằng việc đánh giá chất lượng đại diện phụ thuộc vào chúng ta đang sử dụng lăng kính nào⁴. Cùng hướng đó, các phân tích đương đại chỉ ra rằng đại diện cũng có

¹ Điều 6, Điều 7 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

² Điều 79 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

³ Mục IV.4 Nghị quyết số 27-NQ/TW.

⁴ Dovi, Suzanne, Hanna Pitkin (2015), *The Concept of Representation*, in Jacob T. Levy (ed.), *The Oxford Handbook of Classics in Contemporary Political Theory*, Oxford Academic, <https://doi.org/10.1093/oxfordhb/9780198717133.013.24>, truy cập ngày 05/3/2026.

thể được vận hành theo các “kiểu” khác nhau (promissory/“hứa cử tri”; anticipatory/“đón kỳ vọng”; gyroscopic/“dựa vào la bàn giá trị cá nhân”; surrogate/reflective đại diện thay thế...), và tiêu chuẩn trách nhiệm giải trình vì thế không thể chỉ dựa vào một thước đo duy nhất⁵. Điều này gợi mở một điểm quan trọng cho nghiên cứu về ĐBQH ở Việt Nam, đó là pháp luật có thể quy định rõ “đại biểu phải đại diện”, nhưng để “đại diện tốt” cần thêm các cơ chế lượng hóa, phản hồi và kiểm soát phù hợp với từng loại hoạt động (lập pháp, giám sát, quyết định chính sách, tiếp xúc cử tri...).

Về địa vị pháp lý của ĐBQH trong pháp luật Việt Nam, nền tảng hiến định xác lập rõ: (i) Cơ chế đại diện: Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước (QLNN) thông qua Quốc hội (dân chủ đại diện); (ii) Cách thức hình thành đại biểu: bầu cử theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín; và (iii) Cơ chế trách nhiệm chính trị - pháp lý: đại biểu có thể bị bãi nhiệm khi không còn xứng đáng. Hiến pháp còn thiết kế các “bảo đảm thể chế” để ĐBQH thực hiện vai trò của mình (như quyền chất vấn; quyền yêu cầu cung cấp thông tin; cơ chế miễn trừ về bắt, giam giữ, khởi tố; trách nhiệm cơ quan nhà nước tạo điều kiện và bảo đảm kinh phí hoạt động cho ĐBQH). Đây là các cấu phần cốt lõi của “đại diện thực chất”, ĐBQH không chỉ “đứng tên đại diện”, mà cần năng lực và công cụ để hành động và tạo tác động chính sách thay mặt Nhân dân⁶. Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2023, 2025) đã cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về vai trò đại diện của ĐBQH ở hai khía cạnh: a. ĐBQH là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn

vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước; b. ĐBQH là người thay mặt Nhân dân thực hiện QLNN trong Quốc hội⁷.

Thứ nhất, ĐBQH là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước.

Nhận xét về vai trò đại diện của ĐBQH, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhận định: “Các đại biểu trong Quốc hội không phải đại diện cho một đảng phái nào mà là đại biểu cho toàn thể quốc dân Việt Nam”⁸. Tư tưởng về vai trò đại diện Nhân dân của ĐBQH đã được thể hiện rõ nét từ cuộc tổng tuyển cử đầu tiên năm 1946 cho đến các cuộc bầu cử ĐBQH sau này. ĐBQH vừa là người đại diện của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình vừa là người đại diện của Nhân dân cả nước. Vai trò này của ĐBQH phản ánh cấu trúc “đại diện kép” (dual representation) gồm đại diện theo liên kết địa phương của cử tri tại đơn vị bầu cử đồng thời đại diện cho lợi ích, ý chí chung của toàn thể Nhân dân.

ĐBQH là người thay mặt cho Nhân dân để thể hiện ý chí và nguyện vọng của Nhân dân tại Quốc hội, là “cầu nối” của Nhân dân với Quốc hội. Bên cạnh đó, tính đại diện của ĐBQH còn thể hiện ở khía cạnh ĐBQH phải là “người tiêu biểu” cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân. Họ không chỉ phản ánh ý chí, nguyện vọng của Nhân dân với Quốc hội mà mỗi ĐBQH còn phải chính là hiện thân tiêu biểu cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân. Chỉ khi chính họ là hiện thân cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân thì họ mới thực sự “đại diện”, thay mặt cho Nhân dân, thể hiện được ý chí và nguyện vọng của Nhân dân một cách thực chất và tâm huyết nhất tại Quốc hội. Như

⁵ Mansbridge, J. (2003), *Rethinking Representation*, American Political Science Review, 97(4), 515–528.

⁶ Dovi, Suzanne (2018), *Political Representation*, The Stanford Encyclopedia of Philosophy, Edward N. Zalta (ed.), <https://plato.stanford.edu/archives/fall2018/entries/political-representation/>, truy cập ngày 02/3/2026.

⁷ Khoản 1 Điều 21 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2023, 2025).

⁸ Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 4*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, tr. 217.

SỐ ĐẶC BIỆT CHÀO MỪNG NGÀY BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031

vậy, trong hoạt động của mình, đồng thời với việc phải luôn quan tâm tới ý chí và nguyện vọng của cử tri đơn vị đã bầu cử ra mình, thì người ĐBQH ở nước ta còn phải quan tâm và luôn xuất phát từ ý chí, nguyện vọng chung của Nhân dân cả nước để hành động. Trong trường hợp có sự xung đột giữa lợi ích cục bộ của bộ phận Nhân dân ở đơn vị bầu cử và lợi ích chung của Nhân dân cả nước thì người ĐBQH phải đứng trên lợi ích toàn cục, lợi ích chung của Nhân dân cả nước để hành động⁹.

Để bảo đảm mệnh đề “đại diện ý chí, nguyện vọng của Nhân dân” không chỉ tồn tại trên danh nghĩa, Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội thiết lập chuỗi nghĩa vụ liên hệ - phản ánh - báo cáo - chịu giám sát đối với ĐBQH. Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2023, 2025) quy định ĐBQH liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật¹⁰. Như vậy, “tính đại diện” ở khía cạnh này là một chuỗi hành vi pháp lý - chính trị có thể quan sát, kiểm tra và đánh giá chứ không chỉ là một tuyên bố về “tư cách đại diện”.

Thứ hai, ĐBQH là người thay mặt Nhân dân thực hiện QLNN trong Quốc hội.

Nếu vai trò thứ nhất của ĐBQH thiên về việc đại diện tiếng nói và ý chí của Nhân dân, thì vai trò thứ hai nhấn mạnh khía cạnh đại diện trong hành động và thực thi QLNN. Nói cách khác, ĐBQH không chỉ phản ánh ý chí của cử tri mà còn trực tiếp sử dụng quyền lực hiến định trong Quốc hội để chuyển hóa ý chí đó thành các quyết định mang tính pháp lý và chính sách. Đây chính là nội hàm của “đại diện thực chất” (substantive representation), tức là hành động thay mặt và vì lợi ích của những người được đại diện¹¹.

Trong Hiến pháp, vai trò “thực hiện quyền lực” của ĐBQH được thể hiện thông qua nhiều quyền năng quan trọng. Chẳng hạn, quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước; cho phép ĐBQH yêu cầu các chủ thể này giải trình về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình¹². Đây là một cơ chế kiểm soát quyền lực, thể hiện vai trò của Quốc hội với tư cách là cơ quan đại diện cao nhất của Nhân dân. Bên cạnh đó, ĐBQH còn có quyền yêu cầu cung cấp thông tin từ các cơ quan, tổ chức hữu quan để phục vụ hoạt động lập pháp và giám sát¹³. Đồng thời, các quy định về miễn trừ đại biểu cũng nhằm duy trì tính độc lập tương đối của đại biểu khi thực hiện chức năng đại diện và kiểm soát QLNN¹⁴.

⁹ Nguyễn Đình Quyền, *Về vai trò và các đặc điểm của đại biểu Quốc hội*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 8/2007, tr. 3-4.

¹⁰ Điều 79 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 27 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2023, 2025).

¹¹ Dovi, Suzanne (2018), *Political Representation*, *The Stanford Encyclopedia of Philosophy*, Edward N. Zalta (ed.), <https://plato.stanford.edu/archives/fall2018/entries/political-representation/>, truy cập ngày 02/3/2026.

¹² Khoản 1 Điều 80 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

¹³ Khoản 3 Điều 80 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

¹⁴ Điều 81 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: “*Không được bắt, giam, giữ, khởi tố ĐBQH nếu không có sự đồng ý của Quốc hội hoặc trong thời gian Quốc hội không họp, không có sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trong trường hợp ĐBQH phạm tội quả tang mà bị tạm giữ thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định*”.

Ở góc độ luật định, Luật Tổ chức Quốc hội đã cụ thể hóa quyền lực “thực hiện thay mặt Nhân dân” của ĐBQH bằng một hệ thống quyền hạn cụ thể. Đại biểu có quyền trình dự án luật hoặc kiến nghị về luật, qua đó trực tiếp tham gia vào quá trình hình thành và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đại biểu cũng có quyền chất vấn, quyền kiến nghị về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, cũng như quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin hoặc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật¹⁵. Những quyền năng này cho phép ĐBQH không chỉ phát biểu ý kiến mà còn tác động trực tiếp đến quá trình hoạch định chính sách và kiểm soát hoạt động của bộ máy nhà nước.

Ở bình diện trách nhiệm, Luật Tổ chức Quốc hội quy định ĐBQH chịu trách nhiệm trước cử tri và trước Quốc hội về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Hai quy định này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc bảo đảm tính đại diện thực chất. Một mặt, đại biểu phải có năng lực tham gia thảo luận, phản biện và quyết định các vấn đề quan trọng của quốc gia, bởi chính thông qua các quyết định này mà ý chí của Nhân dân được thể chế hóa. Mặt khác, đại biểu phải chịu trách nhiệm về hệ quả của các quyết định đó, bao gồm trách nhiệm giải trình trước cử tri và trách nhiệm thể chế trước Quốc hội.

Từ góc độ lý luận đại diện, điều này cho thấy ĐBQH không chỉ là “người phát ngôn” cho Nhân dân mà còn là chủ thể thực thi QLNN được Nhân dân ủy quyền. Do đó, tính đại diện của ĐBQH chỉ thực sự được bảo đảm khi đại biểu vừa phản ánh trung

thực ý chí của Nhân dân, vừa chủ động sử dụng các quyền năng hiến định để hành động vì lợi ích chung của Nhân dân và của quốc gia.

2. Sự thể hiện vai trò đại diện của đại biểu Quốc hội trong cơ cấu ứng cử viên đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ 2026 - 2031

Bầu cử ĐBQH khóa XVI (nhiệm kỳ 2026 - 2031) được xác định là một sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và được ấn định thời điểm tiến hành vào Chủ nhật, ngày 15/3/2026. Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử ĐBQH khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 đặt ra yêu cầu xuyên suốt là bảo đảm bầu đủ số lượng, chú trọng chất lượng và bảo đảm cơ cấu hợp lý, đồng thời tăng số lượng đại biểu chuyên trách và bảo đảm tỷ lệ phụ nữ, người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Bầu cử, có tỷ lệ hợp lý đại biểu các tôn giáo, đại biểu tái cử, đại biểu trẻ tuổi, các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ, đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân, doanh nhân và các hiệp hội, nghiệp đoàn trong sản xuất, kinh doanh¹⁶. Ở góc nhìn “tính đại diện”, điều này cho thấy hai tầng yêu cầu đồng thời: *i*. Tính đại diện theo nghĩa mô tả (đủ “thành phần xã hội”); và *ii*. Tính đại diện theo năng lực (tăng đại biểu chuyên trách để nâng chất lượng đại diện thực chất).

Về mặt pháp lý, Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)¹⁷ quy định khá rõ cơ chế dự kiến cơ cấu và phân bổ ĐBQH để bảo đảm đại diện hợp lý.

Thứ nhất, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến và phân bổ số lượng đại biểu được bầu

¹⁵ Điều 29 đến Điều 37 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2023, 2025).

¹⁶ Mục 3 Chỉ thị số 46-CT/TW.

¹⁷ Điều 7 đến Điều 9 Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

SỐ ĐẶC BIỆT CHÀO MỪNG NGÀY BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031

ở mỗi tỉnh, thành phố: mỗi địa phương “có ít nhất ba đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương”; số lượng đại biểu tiếp theo tính theo dân số và đặc điểm địa phương, bảo đảm tổng số đại biểu dự kiến được bầu là 500. Quy định này liên quan trực tiếp đến “đại diện lãnh thổ” (territorial representation), bảo đảm mọi địa phương đều có mức đại diện tối thiểu trong Quốc hội, vừa phản ánh cấu trúc nhà nước thống nhất, vừa tạo kênh phản ánh lợi ích vùng miền vào chính sách quốc gia.

Thứ hai, Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thiết kế cơ chế “dự kiến cơ cấu, thành phần người được giới thiệu ứng cử” theo hướng bảo đảm “tỷ lệ đại diện hợp lý của các tầng lớp nhân dân trong Quốc hội”. Cụ thể, chậm nhất 105 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau khi thống nhất với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội) dự kiến cơ cấu ĐBQH, số lượng người của các tổ chức/khối (chính trị, xã hội, lực lượng vũ trang, cơ quan nhà nước trung ương và địa phương...) được giới thiệu ứng cử. Đây là một cơ chế “đại diện mô tả có định hướng”, Nhà nước không phó mặc hoàn toàn cho sự tự phát của việc ứng cử, mà đặt ra yêu cầu đại diện tương đối đa dạng để Quốc hội không bị “lệch tầng lớp” và để các nhóm xã hội có cơ hội hiện diện trong quá trình lập pháp - giám sát.

Thứ ba, Luật đặt ra các ngưỡng tối thiểu đối với một số nhóm đặc thù, thể hiện rõ yêu cầu đại diện về mặt cấu trúc xã hội: *i*. Số lượng người dân tộc thiểu số trong danh sách chính thức ứng cử ĐBQH có ít nhất 18%; và *ii*. Số lượng phụ nữ trong danh sách chính thức ứng cử ĐBQH có ít nhất 35%. Đây cũng là cách dung hòa giữa nguyên tắc bình đẳng cơ hội trong ứng cử và nhu cầu bảo đảm

có tiếng nói của nhóm vốn dễ bị thiệt thòi trong cạnh tranh chính trị (phụ nữ, dân tộc thiểu số).

Thứ tư, Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) còn thiết kế mức “cạnh tranh tối thiểu” bắt buộc cho danh sách ứng cử ở mỗi đơn vị bầu cử, số người trong danh sách ứng cử ĐBQH ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là hai người. Dưới góc nhìn đại diện, đây là điều kiện thủ tục để cử tri có quyền lựa chọn thực chất hơn, qua đó củng cố tính chính danh của đại diện.

Thứ năm, “tính đại diện” không chỉ phụ thuộc cơ cấu xã hội của ứng cử viên mà còn phụ thuộc năng lực các đại biểu sau khi đắc cử. Ở điểm này, Luật Tổ chức Quốc hội quy định số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách “ít nhất là 40%” tổng số đại biểu¹⁸, phản ánh định hướng tăng tính chuyên nghiệp của Quốc hội, tạo điều kiện để đại biểu dành thời gian, nguồn lực và chuyên môn cho hoạt động đại diện thực chất. Đồng thời, Chỉ thị số 46-CT/TW tiếp tục nhấn mạnh “tăng số lượng đại biểu chuyên trách” và bảo đảm cơ cấu hợp lý, coi chất lượng là yêu cầu ưu tiên.

Thứ sáu, nếu xem cơ cấu ứng cử viên như một “tấm gương đại diện mô tả”, thì Chỉ thị số 46-CT/TW đặt ra yêu cầu đa dạng hóa rộng hơn ngoài hai trục giới và dân tộc theo hướng có “tỷ lệ hợp lý” đại biểu các tôn giáo, đại biểu tái cử, đại biểu trẻ tuổi, các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ; đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân, doanh nhân và các hiệp hội/nghề đoàn trong sản xuất, kinh doanh. Nội dung này cho thấy nhận thức chính sách rằng, ĐBQH không nên thu hẹp vào đại diện khu vực hành chính, mà cần tiếp cận gần hơn

¹⁸ Khoản 2 Điều 23 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2023, 2025).

SỐ ĐẶC BIỆT CHÀO MỪNG NGÀY BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031

với tính đa dạng của xã hội hiện đại (nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhóm yếu thế/văn hóa - tôn giáo).

Cụ thể hóa các hướng dẫn nêu trên, Nghị quyết số 1891/NQ-UBTVQH15 ngày 10/11/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần ĐBQH khóa XVI quy định số lượng đại biểu ở các cơ quan trung ương là 217 đại biểu (43,4%), số lượng đại biểu ở địa phương là 283 đại biểu (56,6%). Mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất là 04 đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương; số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương, bảo đảm tổng số ĐBQH dự kiến được bầu là 500 đại biểu; bảo đảm mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất là 07 đại biểu.

Ngày 14/02/2026, Hội đồng Bầu cử quốc gia đã ban hành Nghị quyết số 151/NQ-HĐBCQG công bố danh sách chính thức những người ứng cử ĐBQH khoá XVI theo từng đơn vị trong cả nước. Theo đó, Hội đồng Bầu cử quốc gia quyết nghị công bố danh sách 864 người ứng cử ĐBQH khoá XVI tại 182 đơn vị bầu cử trong cả nước để bầu 500 ĐBQH khoá XVI. Cơ cấu cụ thể như sau¹⁹:

i. Cơ cấu theo giới tính: có 472 người là nam, chiếm tỷ lệ 54,63%, có 392 người là nữ, chiếm tỷ lệ 45,37%.

ii. Cơ cấu theo thành phần dân tộc: có 676 người dân tộc Kinh, chiếm tỷ lệ 78,24%; có 188 người dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 21,76%.

iii. Cơ cấu theo xuất thân chính trị: có 799 người là Đảng viên, chiếm tỷ lệ 92,48%; có 65 người ngoài đảng, chiếm tỷ lệ 7,52%.

iv. Cơ cấu theo trình độ học vấn: có 593 người có trình độ trên đại học, chiếm tỷ lệ 68,63%; có 261 người có trình độ đại học,

chiếm tỷ lệ 30,21%; có 10 người trình độ dưới đại học, chiếm tỷ lệ 1,16%.

v. Cơ cấu theo kinh nghiệm ứng cử: có 612 người ứng cử lần đầu, chiếm tỷ lệ 70,83%; có 235 người tái ứng cử, chiếm tỷ lệ 27,20%.

vi. Cơ cấu theo đề cử, ứng cử: có 643 người địa phương đề cử, chiếm tỷ lệ 74,42%; có 217 người Trung ương đề cử, chiếm tỷ lệ 24,12%; có 04 người tự ứng cử, chiếm tỷ lệ 0,46%.

vii. Cơ cấu theo độ tuổi: có 187 người dưới 40 tuổi, chiếm tỷ lệ 21,64%; có 384 người từ 40-50 tuổi, chiếm tỷ lệ 44,44%; có 259 người từ trên 50 đến 60 tuổi, chiếm tỷ lệ 29,98%; có 26 người từ trên 60 đến 65 tuổi, chiếm tỷ lệ 3,01%; có 8 người trên 65 tuổi, chiếm tỷ lệ 0,93%.

Phân tích về cơ cấu ứng viên ĐBQH Khóa XVI cho thấy, tính đại diện được chú trọng khá rõ nét và toàn diện. Trước hết, cơ cấu giới tính tương đối cân bằng khi tỷ lệ nữ đạt 45,37%, góp phần phản ánh tốt hơn vai trò, vị trí và tiếng nói của phụ nữ trong đời sống chính trị. Về thành phần dân tộc, số lượng ứng cử viên là người dân tộc thiểu số chiếm 21,76%, qua đó thể hiện sự quan tâm đến việc bảo đảm sự tham gia của các cộng đồng dân tộc trong cơ quan QLNN cao nhất. Cơ cấu độ tuổi cũng khá hài hòa, bao gồm cả lực lượng trẻ dưới 40 tuổi, nhóm trung niên và người có nhiều trải nghiệm, giúp kết hợp giữa sức trẻ, sự năng động với bản lĩnh và kinh nghiệm thực tiễn. Bên cạnh đó, số lượng lớn ứng cử viên có trình độ đại học và trên đại học cho thấy chất lượng nguồn nhân sự được chuẩn bị tốt, có khả năng đại diện cho cử tri trong việc thảo luận và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Tỷ lệ ứng cử viên lần đầu cao cũng là tín hiệu tích cực, mở rộng cơ hội cho những gương

¹⁹ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Cơ cấu người ứng cử đại biểu Quốc hội Khóa XVI*, <https://hcma.vn/Pages/chi-tiet-tin-tuc.aspx?cm=223&ItemID=20782>, truy cập ngày 06/3/2026.

mặt mới tham gia nghị trường. Nhìn chung, cơ cấu này phản ánh nỗ lực bảo đảm tính đại diện rộng rãi, đa dạng và ngày càng toàn diện của Quốc hội.

3. Một số kiến nghị phát huy vai trò đại diện của đại biểu Quốc hội ở Việt Nam

Một là, hoàn thiện cơ chế giám sát của cử tri và tiêu chí đánh giá ĐBQH. Nghị quyết số 27-NQ/TW nêu trực tiếp yêu cầu “gắn trách nhiệm của ĐBQH với đơn vị bầu cử và cử tri”, “hoàn thiện cơ chế giám sát của cử tri và cơ chế, phương thức, tiêu chí đánh giá đối với ĐBQH”. Đây là gợi ý chính sách rất rõ nếu đại biểu là “người đại diện” và “chịu trách nhiệm trước cử tri” thì cần có bộ tiêu chí tối thiểu (ví dụ: mức độ tham gia kỳ họp/phiên họp; số lượt phát biểu - chất vấn; số kiến nghị lập pháp; tỷ lệ phản hồi kiến nghị cử tri đúng hạn; mức độ tham gia giám sát và theo dõi sau giám sát...). Đồng thời, cần bảo đảm các tiêu chí này không biến thành hình thức “đếm số lượng”, mà gắn với chất lượng lập luận và tác động chính sách phù hợp với nhận thức lý luận rằng “đại diện” có nhiều tiêu chuẩn và không thể giản lược còn một thước đo²⁰.

Hai là, tiếp tục chuyên nghiệp hóa hoạt động đại biểu theo hướng tăng đại biểu chuyên trách và tối ưu hóa phân bổ nguồn lực hỗ trợ đại biểu. Luật Tổ chức Quốc hội hiện hành đã nâng ngưỡng tối thiểu đại biểu chuyên trách lên 40% tổng số đại biểu. Nghị quyết số 27-NQ/TW định hướng tăng hợp lý đại biểu chuyên trách và giảm đại biểu công tác ở các cơ quan hành pháp, tư pháp, đây là hướng tiếp cận nhằm hạn chế xung đột vai trò và tăng thời gian dành cho hoạt động đại diện “chuyên nghiệp”. Do đó, về chính sách tổ chức, cần gắn quy hoạch nhân sự ứng cử

với năng lực lập pháp và giám sát; đồng thời tăng cường bộ máy tham mưu và năng lực phân tích chính sách để đại biểu, nhất là đại biểu chuyên trách, đủ dữ liệu và công cụ thực hiện đại diện thực chất.

Ba là, nâng chất lượng đại diện thông qua cải tiến “kênh tiếp xúc cử tri” theo hướng đa dạng hóa hình thức và tăng mật độ tương tác. Về pháp lý, nghĩa vụ tiếp xúc, báo cáo với cử tri đã được Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội quy định khá rõ. Điểm mới đáng chú ý là Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2023, 2025) đã thừa nhận hội nghị tiếp xúc cử tri có thể tổ chức theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến, hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến với điều kiện bảo đảm kỹ thuật và an ninh mạng. Từ đó, có thể kiến nghị xây dựng các nền tảng tiếp xúc cử tri theo chuyên đề (đất đai, an sinh, y tế, giáo dục...), phát huy thế mạnh của đại biểu theo lĩnh vực, đồng thời tạo dữ liệu phản hồi để đại biểu theo dõi, đôn đốc giải quyết kiến nghị. Việc số hóa có thể làm giảm chi phí giao dịch và tăng tính bao trùm (inclusiveness), nhất là với cử tri ở vùng xa, người yếu thế về di chuyển, nhưng phải đi kèm tiêu chuẩn công khai - bảo mật để tránh hình thức²¹.

Bốn là, phát huy tính đại diện trong cơ cấu ứng cử viên bằng cách kết nối “chuẩn đầu vào” với “mục tiêu đầu ra” và hỗ trợ nhóm dễ bị bất lợi trong cạnh tranh bầu cử. Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) hiện đặt ngưỡng tối thiểu 35% phụ nữ và 18% người dân tộc thiểu số trong danh sách chính thức ứng cử ĐBQH. Chỉ thị số 46-CT/TW về lãnh đạo cuộc bầu cử ĐBQH khóa XVI và bầu cử

(Xem tiếp trang 54)

²⁰ Mansbridge, J. (2003), *Rethinking Representation*, American Political Science Review, 97(4), 515-528.

²¹ Trương Vĩnh Khang, *Nâng cao năng lực và hiệu quả duy trì mối liên hệ giữa đại biểu và cử tri của đại biểu dân cử ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học kiểm sát, số chuyên đề 04, 2020, tr. 83.

SỐ ĐẶC BIỆT CHÀO MỪNG NGÀY BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031

biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) sẽ không thể tạo ra “cầu nối pháp lý” để hiện thực hóa việc khiếu nại, tố cáo cũng như giải quyết khiếu nại, tố cáo về vận động bầu cử. Do đó, những nội dung này cần được tiếp tục hoàn thiện nhằm bảo đảm cho hoạt động vận động bầu cử được diễn ra thực sự dân chủ, thực sự văn minh.

5. Kết luận

Vận động bầu cử giữ vai trò trọng yếu trong một cuộc bầu cử dân chủ, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng đại biểu và sự thành công của hệ thống chính trị. Thông qua vận động bầu cử, cử tri không chỉ lắng nghe mà còn có thể trao đổi cởi mở, từ đó chọn lựa người “đủ đức, đủ tài” vào các cơ

quan dân cử. Đối với người ứng cử, đây là cơ hội để chứng minh bản lĩnh chính trị và năng lực chuyên môn. Quá trình vận động bầu cử buộc người ứng cử phải xây dựng chương trình hành động cụ thể, giúp ngăn chặn tình trạng bầu cử hình thức và bảo đảm những người trúng cử thực sự có trách nhiệm trước Tổ quốc và Nhân dân. Hiện nay, các quy định pháp luật về vận động bầu cử đã khá đầy đủ. Tuy nhiên, một số nội dung pháp lý vẫn còn những hạn chế nhất định cần được sửa đổi, bổ sung kịp thời. Có như vậy thì hoạt động của các chủ thể liên quan đến vận động bầu cử mới diễn ra thực chất, bảo đảm tính công bằng, bình đẳng, khách quan, từ đó, bảo vệ tính chính đáng của cuộc bầu cử■

PHÁT HUY VAI TRÒ ĐẠI DIỆN... (tiếp theo trang 44)

đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 còn định hướng đa dạng hóa đại biểu theo tôn giáo, độ tuổi, nghề nghiệp - tầng lớp, tạo khung “đại diện mô tả” rộng hơn. Tuy nhiên, vì các ngưỡng này chủ yếu áp dụng cho danh sách ứng cử, để tăng khả năng chuyên hóa thành “đại diện trong Quốc hội”, cần tăng cường các cơ chế hỗ trợ như bồi dưỡng kỹ năng tranh luận, vận động chính sách, hỗ trợ truyền thông công bằng cũng như thiết kế hoạt động tiếp xúc cử tri theo hướng tạo điều kiện cho ứng cử viên nữ/thiểu số thể hiện chương trình hành động và năng lực đại diện.

Kết luận

Vai trò đại diện của ĐBQH ở Việt Nam là một phạm trù pháp lý - chính trị có cấu trúc hai mặt được hiến định và luật hóa rõ ràng, ĐBQH vừa đại diện ý chí, nguyện vọng của cử tri nơi bầu ra mình và của Nhân dân cả nước; vừa nhân danh Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội. Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Bầu cử ĐBQH và

đại biểu Hội đồng nhân dân đặt ra các điều kiện quan trọng để tính đại diện có khả năng trở thành đại diện thực chất, gắn tiêu chuẩn đại biểu với năng lực liên hệ Nhân dân; xây dựng cơ chế trách nhiệm trước cử tri; quy định tỷ lệ tối thiểu đại biểu chuyên trách; cơ chế dự kiến cơ cấu - thành phần ứng cử viên để bảo đảm đại diện hợp lý của các tầng lớp nhân dân. Trong bối cảnh bầu cử ĐBQH Khóa XVI (2026 - 2031), các chỉ đạo chính trị - hành chính tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu tăng đại biểu chuyên trách, đa dạng hóa cơ cấu và nâng chất lượng, qua đó phản ánh nhu cầu nâng cấp năng lực đại diện của Quốc hội trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, đại diện mô tả không tự động chuyên hóa thành đại diện thực chất; vì vậy, trọng tâm cải cách nên đặt vào cơ chế giám sát và đánh giá của cử tri, chuyên nghiệp hóa đại biểu và hiện đại hóa kênh tiếp xúc cử tri để biến “tính đại diện” thành năng lực có thể đo lường và chịu trách nhiệm giải trình trước Nhân dân■